TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS - ST
Ngày: 24/01/2018
Về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thạch;**

2. Bà **Lê Ngọc Trầm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1973 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 06 (số cũ: 55/9), tổ 23, đường N, khu phố X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964 – Có mặt.

Địa chỉ: 41/11 khu phố X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Giữa chị và bà Nguyễn Thị B có mối quan hệ chòm xóm. Chị có tham gia 01 dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng do bà B làm chủ thảo, loại hụi hoa hồng, một tháng khui 01 lần vào ngày mùng 10 âm lịch hàng tháng. Hụi mở ngày 10/04/2010 âm lịch, mãn vào ngày 10/10/2011 âm lịch, gồm 20 phần, chị tham gia 02 phần, góp hụi đến kỳ thứ 16 thì hốt phần thứ nhất, bà B đã đăng đủ phần tiền hụi này cho chị. Phần thứ hai chị hốt chót được số tiền 95.000.000 đồng nhưng bà B không đăng hụi ngay cho chị

mà chỉ giao cho chị được tổng cộng 9.000.000 đồng. Đến ngày 02/3/2012 (âm lịch) giữa chị và bà B chốt nợ với nhau. Tổng số tiền hụi chị hốt chót là 95.000.000 đồng, bà B trừ tiền huê hồng 2.500.000 đồng, tiền hụi chết chị chưa đóng 5.000.000, tiền chị H mua đồ thiếu chưa trả 1.500.000 đồng và tiền bà B đã trả 9.000.000 đồng, còn lại số tiền 77.000.000 đồng bà B viết giấy nhận nợ cho chị. Sau khi viết giấy nhận nợ thì ngày 09/02/2013 bà B tiếp tục trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng và ngưng cho đến nay. Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2017 chị yêu cầu bà B trả số tiên hụi còn thiếu là 77.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị chỉ yêu cầu bà B trả số tiền 72.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn – bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà thống nhất chị H có tham gia 01 dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ thảo. Hụi mở ngày 10/04/2010 âm lịch, mãn vào ngày 10/10/2011 âm lịch, gồm 20 phần, chị H tham gia 02 phần, góp hụi đến kỳ thứ 16 thì chị H hốt phần thứ nhất, bà đã đăng đủ cho chị H (bao gồm tiền vốn và lãi hụi). Phần thứ hai chị H hốt chót được số tiền 95.000.000 đồng, bà trừ tiền huê hồng 2.500.000đồng, tiền hụi chết chưa đóng 15.500.000đồng, tiền chị H mua đồ thiếu 1.500.000đồng và tiền bà đã trả cho chị H hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Hiện tại bà còn thiếu chị H số tiền 65.500.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Nay chị H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 72.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà chỉ còn thiếu chị H số tiền 65.500.000 đồn. Hiện tại chồng bà đang bị bệnh nặng, bản thân bà cũng bị bệnh tim nên bà xin chị H không trả số tiền này, xem như số tiền hụi kỳ trước bà đã đăng cho chị H là chị H lấy lại tiền vốn của 02 phần hụi chị H tham gia của bà. Tại phiên tòa, bà trình bày nếu chị H không đồng ý xóa nợ cho bà thì bà yêu cầu tính lại phần hụi chị H hốt chót ở kỳ thứ 19 được tính như phần hụi thứ nhất chị H hốt ở kỳ thứ 16, nghĩa là cả hai phần hụi đều ngưng ở kỳ thứ 16, sau khi trừ các khoản thì bà chỉ còn nợ chị H số tiền 25.500.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Chị H có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng do bà B làm chủ thảo, loại hụi có lãi hưởng hoa hồng, chị H và bà B thống nhất dây hụi, số tiền hốt hụi nhưng số tiền còn nợ lại không thống nhất nhau. Tại biên bản hòa giải bà B trình bày còn thiếu chị H số tiền 65.500.000 đồng, tại phiên tòa bà B trình bày chỉ còn thiếu chị H 25.500.000 đồng nhưng bà B không có chứng cứ gì chứng minh nên lời trình bày của bà B không có cơ sở để chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu của nguyên đơn buộc bà B trả cho chị H số tiền hụi còn nợ 72.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Giữa bà B và chị H có quan hệ góp hụi với nhau. Đây là hụi có lãi, hưởng hoa hồng, bà B không đăng hụi cho chị H là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, chị H có đơn khởi kiện nên các bên phát sinh tranh chấp. Đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét yêu cầu trả số tiền 72.000.000 đồng của chị H thấy rằng:

Chị H và bà B đều thống nhất chị H có tham gia 02 phần hụi của dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/4/2010 (âm lịch) do bà B làm chủ thảo. Chị H đã hốt 01 phần vào kỳ thứ 16 và bà B đã đăng đủ phần hụi này cho chị H. Chị H trình bày phần hụi thứ hai chị hốt chót được số tiền 95.000.000 đồng, bà B trừ tiền huê hồng 2.500.000 đồng, tiền hụi chết của phần hụi thứ nhất chị chưa đóng 5.000.000, tiền chị H mua đồ thiếu chưa trả 1.500.000 đồng và tiền bà B đã trả 9.000.000 đồng, còn lại số tiền 77.000.000 đồng. Số tiền này hai bên chốt nợ vào ngày 02/3/2012 (âm lịch), có chữ ký của bà B. Xét lời trình bày của chị H phù hợp với giấy chốt nợ ngày 02/3/2012 mà chị đã cung cấp cho Tòa án. Đến ngày 09/02/2013 bà B tiếp tục trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ lại chị số tiền 72.000.000 đồng. Bà B cũng thống nhất phần hụi thứ hai chị H hốt chót được số tiền 95.000.000 đồng, bà trừ tiền huê hồng 2.500.000đồng, tiền hụi chết chị H còn thiếu 15.500.000đồng, tiền chị H mua đồ thiếu 1.500.000đồng và tiền bà đã trả cho chị H hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Hiện tại bà còn thiếu chị H số tiền 65.500.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, lời trình bày của bà B không phù hợp với giấy chốt nợ ngày 02/3/2012 (âm lịch) do chị H cung cấp. Bà B thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy chốt nợ ngày 02/3/2012 (âm lịch) là của bà và không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền hụi chết chị H còn thiếu bà là 15.500.000 đồng, số tiền bà trả cho chị H hai lần là 10.000.000 đồng nên không có cơ sở xác định số tiền bà còn thiếu chị H là 65.500.000 đồng. Bà B xin chị H không trả số tiền này nữa nhưng chị H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3] Tại phiên tòa bà B yêu cầu tính lại 02 phần hụi mà chị H tham gia theo hướng cả 02 phần hụi đều kết thúc ở kỳ thứ 16, khấu trừ các khoản bà chỉ còn nợ chị H số tiền 25.500.000 đồng. Yêu cầu của bà B là không có cơ sở chấp nhận vì dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 10/4/2010 (âm lịch) bà vẫn duy trì hụi đến ngày 10/10/2011 (âm lịch). Do đó, bà phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H các phần hụi đã góp cho đến khi mãn hụi, bao gồm tiền vốn và lãi hụi.

Như vậy, bà B có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

Chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Bà B phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị B còn phải trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 3.600.000 (Ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H 1.925.000 đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004188 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.